

## VAI TRÒ CỦA KINH TẾ NÔNG THÔN ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

Nguyễn Thị Bích Đào<sup>(\*)</sup>

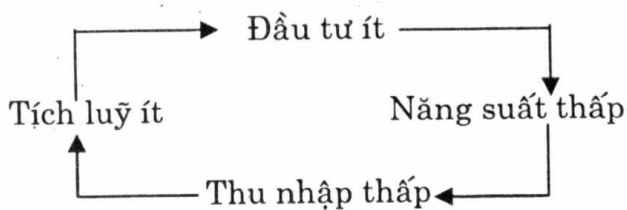
Nông thôn Việt Nam trải dài trên diện tích rộng, dân số đông, (chiếm 3/4 dân số cả nước) là nơi sinh sống của phần lớn lực lượng lao động xã hội. Do đó, nông thôn là thị trường tiềm năng để phát triển cả công nghiệp và dịch vụ song hành với sản xuất nông nghiệp. Phát triển kinh tế nông thôn trước tiên là để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân cư nông thôn, sau đó là để đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Trong quá trình phát triển, một số nước trước đây chỉ chú ý phát triển các đô thị, các khu công nghiệp hiện đại mà ít chú ý phát triển nông thôn. Ví dụ như: Braxin, Mêhicô, Ấn Độ, Angiêri, Angôla,... ở các nước này khoảng cách về kinh tế, xã hội giữa đô thị và nông thôn ngày càng lớn, ảnh hưởng nhiều đến tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của đất nước, làm tăng thêm sự mất cân đối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng tạo nên mâu thuẫn nội tại của cơ cấu kinh tế. Trong lúc đó một số nước ở châu Á, có tốc độ tăng trưởng khá nhanh như Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaixia đã quan tâm phát triển nông thôn ngay từ đầu thời kỳ công nghiệp hóa, coi nông nghiệp và nông thôn là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển nông thôn không chỉ vì lợi ích riêng của nông thôn mà còn là lợi ích chung của đất nước.

Ngày nay phát triển nông thôn không còn là việc riêng của các nước đang phát triển, mà còn là sự quan tâm chung của cộng đồng thế giới. Việt Nam là nước đang phát triển đi lên từ một nền nông nghiệp, nông thôn lại càng có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế đất nước.

Thực tế nông thôn Việt Nam xét về bản chất đó là mô hình làng xã Việt Nam, đồng thời là mô hình kinh tế - xã hội khép kín mang nặng tính tự cấp tự túc: lấy nghề nông, lâm nghiệp là căn bản; lấy kỹ thuật thâm canh lúa nước kết hợp với tiểu thủ công nghiệp làm công nghệ chuẩn; lấy đất đai tự nhiên và sức lao động thủ công cùng với các nông cụ thô sơ làm lực lượng sản xuất; lấy mô hình gia đình nhỏ làm đơn vị tổ chức sản xuất hàng đầu; lấy lệ làng, hương ước làm thiết chế xã hội. Sự biến đổi kinh tế nông thôn luôn gắn chặt với sự biến đổi của làng xã, công xã nông thôn vì nó là nét tiêu biểu cho mỗi giai đoạn lịch sử vốn có của nền văn minh lúa nước. Các quan hệ kinh tế nông thôn bị chi phối bởi quan hệ tập tục của làng xã, mà tiêu biểu là quan hệ ruộng đất. Đối với người dân, ruộng đất là nơi sinh sống và nuôi sống con người, nó cung cấp lương thực và hình thành các nét văn hóa phong tục tập quán mang đậm những đặc trưng của điều kiện tự nhiên nơi đó, hay nói

<sup>(\*)</sup> TS, Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cách khác con người phải thay đổi phương thức sống, phù hợp với điều kiện tự nhiên, cho nên, mỗi khu vực khác nhau, có điều kiện tự nhiên khác nhau đã hình thành và tạo nên những phương thức sản xuất khác nhau, nét văn hóa khác nhau của người dân. Cuộc sống của nông dân trước kia chỉ là sinh tồn vì trải qua hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến và bị quan hệ kinh tế thời phong kiến chi phối, kìm hãm phát triển, người nông dân Việt Nam luôn sống trong cảnh đói nghèo triền miên, đời sống nông dân còn vất vả, vì trong thời gian dài nông nghiệp ít được đầu tư, kỹ thuật chậm được cải tiến, phương thức sản xuất lạc hậu dẫn đến năng suất và chất lượng sản phẩm không cao. Nghiên cứu về vấn đề này ta thấy, sự nghèo đói có nhiều nguyên nhân (cả khách quan và chủ quan), nhưng các nguyên nhân này đã tạo ra cái vòng luẩn quẩn kìm hãm sự phát triển kinh tế.



Để tạo ra "cú huých" đột phá phát triển kinh tế nông thôn thì phải tác động vào tất cả các mặt để phát huy lợi thế vốn có của nông thôn. Ngày nay, nông thôn Việt Nam đã thay đổi rất nhiều cả về nghề nghiệp và kiến trúc quần cư. Ở một số vùng nông thôn, người nông dân không chỉ sống bằng nghề nông, mà thậm chí nghề nông chỉ còn là một nghề phụ. Ở nhiều vùng, hình ảnh lũy tre, bến nước, sân đình được thay thế bởi các khu dân cư đô thị hóa, chỉ khác vùng đô thị

là đường không có tên, nhà không có số. Mặc dù vậy, những vùng này vẫn được gọi là "nông thôn". Nếu như trước đây, "Phố Hiến" được đánh giá là nơi sầm uất chỉ đứng sau kinh kỳ, thì ngày nay, nhiều vùng nông thôn còn sầm uất hơn nhiều lần "Phố Hiến" trước kia. Nếu xét trên phạm vi quốc tế, các vùng nông thôn ở các nước phát triển còn văn minh hiện đại và hơn hẳn nhiều vùng đô thị của nhiều nước kém phát triển. Như vậy, khái niệm nông thôn không còn dừng lại ở khái niệm "nông" và "thôn" mà nó phải được tiếp cận theo một quan niệm mới.

Một điểm chung nhất phân biệt giữa nông thôn và thành thị ở mọi quốc gia, trong mọi thời kỳ là, nông thôn luôn luôn là vùng kém phát triển so với đô thị, và đô thị chính là các vùng nông thôn phát triển cao nhất tạo thành. Như vậy, phải chăng sự quy định một vùng là nông thôn hay thành thị chính là do trình độ phát triển của vùng đó trong tương quan với các vùng khác. Từ đó có thể hiểu phát triển là sự mở mang từ nhỏ thành to, từ yếu thành mạnh, đồng thời phát triển kinh tế nông thôn phải dựa vào những tiêu chí cơ bản sau: Phát triển kinh tế nông thôn là phát triển kinh tế ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế vùng và phát triển các thành phần kinh tế trong nông thôn.

### 1. Bản chất và đặc trưng của kinh tế nông thôn (KTNT)

Phát triển kinh tế-xã hội nông thôn là vấn đề cơ bản và hết sức quan trọng, đó cũng chính là việc xác định cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý, làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các

nguồn lực, tạo điều kiện phát triển nhanh các ngành kinh tế trong nông thôn. Kinh tế nông thôn là một trong hai khu vực kinh tế đặc trưng của nền KTQD (kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị). KTNT là khái niệm dùng để thể hiện một tổng thể các hoạt động kinh tế-xã hội diễn ra trên địa bàn nông thôn, nó bao gồm: nông, lâm, ngư nghiệp và cả công nghiệp, dịch vụ v.v, trên địa bàn đó. Hay nói cách khác, kinh tế nông thôn là tổng hoà của các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hiểu theo nghĩa rộng gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, có nghĩa là những gì liên quan đến cây và con; liên quan đến hoạt động trước và sau sản xuất nông nghiệp là những hoạt động phục vụ sản xuất, phân phối đầu vào, chế biến nông sản, marketing nông sản, bảo quản nông sản, dịch vụ tài chính, dịch vụ kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp; và liên quan đến hoạt động phi sản xuất nông nghiệp như dịch vụ du lịch, xây dựng, vận tải, dịch vụ đời sống trên địa bàn nông thôn. Như vậy có thể nhận biết kinh tế nông thôn qua công thức sau:  $RE = AP + PPA + NAA$ .

Trong đó:

RE- kinh tế nông thôn.

AP - hoạt động SXNN

PPA - hoạt động trước và sau SXNN

NAA - hoạt động phi XSNN

Ngày nay do sự phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, nông thôn không chỉ đơn thuần là khu vực chỉ có hoạt động nông nghiệp, mà còn có cả hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong quá trình phát triển tỷ trọng ngành nông

ng nghiệp sẽ giảm đi, còn tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ sẽ tăng lên. Trong khu vực nông thôn hình thành cơ cấu ngành hợp lý, được xác định bởi điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương khác nhau. Do kết quả của quá trình phát triển và đổi mới các thành phần kinh tế mà trong nông thôn đã xuất hiện nhiều thành phần kinh tế, với các hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp tham gia vào quá trình sản xuất, lưu thông. Thực tế kinh tế nông thôn tồn tại và không ngừng phát triển, luôn gắn liền với tổng thể các quan hệ kinh tế nhất định. Các bộ phận cấu thành của cơ cấu KTNT có mối liên hệ chặt chẽ với nhau theo những tỷ lệ nhất định cả về số lượng và chất lượng giữa các ngành, nội bộ ngành, giữa các thành phần kinh tế và các vùng kinh tế. Do vậy cơ cấu KTNT là cấu trúc bên trong của kinh tế nông thôn. Các bộ phận cấu thành của cơ cấu KTNT, có mối quan hệ hữu cơ với nhau theo tỷ lệ nhất định về mặt số lượng, liên quan chặt chẽ về mặt chất lượng, chúng tác động qua lại lẫn nhau trong điều kiện thời gian, không gian nhất định tạo thành một hệ thống KTNT.

Việc xác lập cơ cấu KTNT chính là giải quyết mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa tự nhiên và con người trong khu vực nông thôn. Mối quan hệ trong cơ cấu KTNT phản ánh trình độ phát triển của phân công lao động xã hội, của quá trình chuyên môn hoá, hợp tác hoá, của trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động. Các mối quan hệ kinh tế

trong nông thôn càng phát triển phong phú cả về chiều rộng và chiều sâu, càng phản ánh trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất và phân công lao động trong khu vực nông thôn.

Đặc trưng của KTNT là mang tính khách quan, được hình thành trên cơ sở phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội. Nhưng thực tế quy luật kinh tế khác với quy luật tự nhiên ở chỗ, sự biểu hiện và vận động của nó được thông qua hoạt động của con người. Con người có thể tác động để góp phần thúc đẩy hoặc hạn chế quá trình hình thành và phát triển kinh tế theo hướng hợp lý hoặc ngược lại. Để đạt được hiệu quả thì sự tác động phải tôn trọng tính khách quan của cơ cấu kinh tế.

KTNT mang tính lịch sử, xã hội nhất định, nó phản ánh quy luật của quá trình phát triển KT - XH nông thôn và được biểu hiện cụ thể trong không gian và thời gian khác nhau. Xã hội càng phát triển, sự phân công lao động ngày càng cao, nhu cầu của con người về sản phẩm tiêu dùng ngày càng nhiều cả về số lượng, chủng loại, mẫu mã và chất lượng phải tốt hơn. Chính vì sự phát triển đó đòi hỏi phải xác lập cơ cấu KTNT mới thoả mãn những nhu cầu có tính xã hội hoá. Trong điều kiện cụ thể mỗi vùng, mỗi quốc gia phải xác định cơ cấu KTNT phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhất định.

Cơ cấu KTNT không ngừng vận động phát triển theo hướng ngày càng hoàn thiện hợp lý và có hiệu quả. Quá trình phát triển và biến đổi cơ cấu KTNT luôn gắn bó chặt chẽ với sự biến đổi của các

yếu tố về lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội. Lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, khoa học - công nghệ ngày càng hiện đại, phân công lao động ngày càng tỉ mỉ và phức tạp thì đòi hỏi cơ cấu kinh tế ngày càng hoàn thiện. Đó là sự vận động tất yếu của quá trình phát triển không ngừng.

Hiện nay hệ thống phân ngành kinh tế xã hội được thực hiện theo sự phân chia của hệ thống tài khoản quốc gia (SNA). Theo SNA, toàn bộ các hoạt động kinh tế xã hội được phân chia thành 3 khu vực:

Khu vực 1: gồm các hoạt động khai thác sản phẩm từ tự nhiên (nông - lâm nghiệp; thủy - hải sản; công nghiệp khai thác ...)

Khu vực 2: gồm các hoạt động chế tác lại các sản phẩm của tự nhiên để tạo ra sản phẩm mới (công nghiệp chế biến các loại; sản xuất năng lượng; xây dựng ...)

Khu vực 3: gồm các hoạt động dịch vụ và phục vụ các nhu cầu tiêu dùng và phát triển của xã hội (thương mại, dịch vụ; y tế, giáo dục, khoa học; các hoạt động quản lý Nhà nước và các hoạt động xã hội khác).

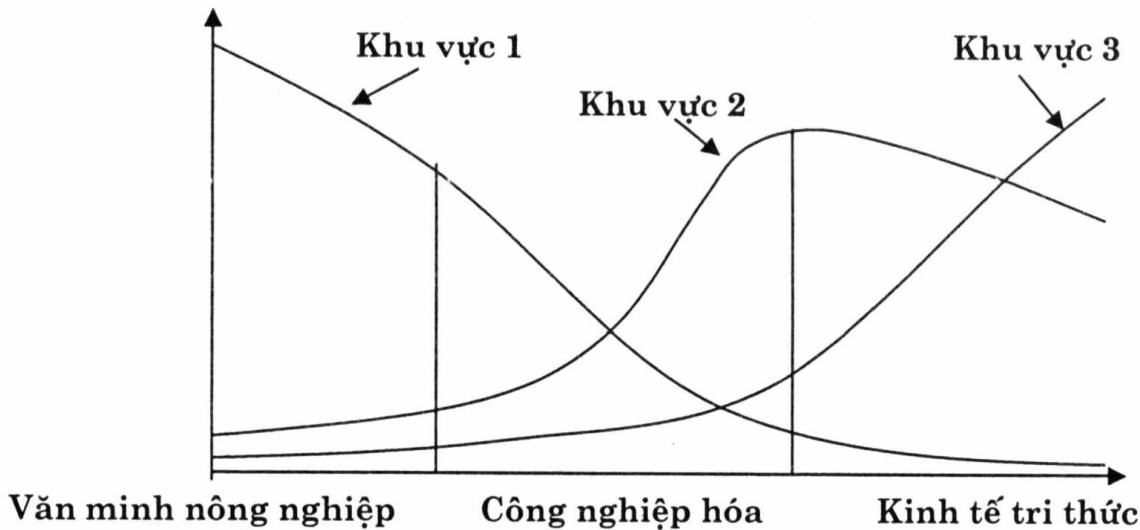
Kết cấu hoạt động giữa 3 khu vực như trên quyết định trình độ phát triển của xã hội. Khu vực 1 là các hoạt động xuất hiện sớm nhất trong lịch sử xã hội loài người. Trên cơ sở hoạt động của khu vực 1 phát triển đã làm nảy sinh và xuất hiện các hoạt động của khu vực 2 (hoạt động đầu tiên có thể được coi là hoạt động chế tạo các công cụ săn bắt hái lượm của người nguyên thủy). Các sản phẩm sẵn có của tự nhiên ngày càng



khan hiếm trong khi nhu cầu của xã hội loài người ngày càng tăng cả về số lượng và chủng loại sản phẩm, trong đó có nhiều loại sản phẩm không có sẵn từ tự nhiên. Chính vì vậy hoạt động của khu vực 2 ngày càng phát triển mạnh mẽ để thay thế dần cho các hoạt động của khu vực 1. Các hoạt động của khu vực 1 và khu vực 2 phát triển theo hướng phân công lao động xã hội lại làm nảy sinh các nhu cầu về trao đổi sản phẩm giữa những người lao động khác nhau, làm xuất hiện các hoạt động thuộc khu vực 3.

Xã hội không thể phát triển nếu chỉ dừng lại ở các hoạt động ở khu vực 1, mà phải dựa vào sự phát triển của các hoạt động thuộc khu vực 2. Các hoạt động khu vực 2 phát triển đã làm cho khối lượng và chủng loại sản phẩm xã hội tăng lên đột biến, không còn lệ thuộc vào giới hạn sẵn có của tự nhiên. Sự phát

triển của xã hội cũng không chỉ trông chờ vào các hoạt động sản xuất vốn có mà phải vươn tới những lĩnh vực phát triển mới dựa vào các thành tựu khoa học kỹ thuật mới, trên cơ sở phát triển của các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, giao lưu hàng hoá, thông tin liên lạc, và các nhu cầu xã hội khác thuộc các hoạt động của khu vực 3. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu về các hoạt động của khu vực 3 càng mở rộng và phát triển; các hoạt động của khu vực 3 càng phát triển càng tạo điều kiện tối ưu thúc đẩy kết quả hoạt động của khu vực 1 và 2 tăng lên. Như vậy, sự phát triển của xã hội là kết quả của quá trình phát triển và thay đổi kết cấu giữa 3 khu vực hoạt động xã hội. Chúng ta có thể biểu thị mối quan hệ giữa quá trình thay đổi kết cấu hoạt động giữa 3 khu vực với trình độ phát triển xã hội thông qua biểu đồ 1.1.



Nguồn: *Tạp chí kinh tế và phát triển - ĐH KTQD*

Theo Jean Fourastier, trình độ phát triển của một vùng do kết cấu của lao động giữa 3 khu vực này quyết định, nó hoàn toàn phù hợp với mọi thời kỳ phát triển của mọi quốc gia và ở nơi nào có tỷ

lệ hoạt động ở khu vực 3 và khu vực 2 cao nhất thì ở đó xuất hiện các điểm đô thị. Như vậy, nông thôn là một vùng kinh tế xã hội mà ở đó diễn ra các hoạt động thuộc khu vực 1 là chủ yếu. Với

quan niệm đó, vùng nông thôn phải được hiểu theo các khía cạnh sau:

- Phải là một vùng kinh tế - xã hội: có các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của một cộng đồng người. Chỉ có một cộng đồng người, mới có thể hình thành các hoạt động và quan hệ xã hội.

- Các hoạt động kinh tế xã hội ở vùng nông thôn chủ yếu là hoạt động thuộc khu vực 1. Điều đó có nghĩa là ở vùng nông thôn cũng có các hoạt động thuộc khu vực 2 và khu vực 3, song hoạt động thuộc khu vực 1 vẫn là chủ yếu. Khái niệm "chủ yếu" cũng là một phạm trù hết sức tương đối, nó tùy thuộc vào điều kiện của mỗi một quốc gia và mỗi một thời kỳ phát triển. Cùng một quốc gia, cùng một tỷ trọng lao động ở khu vực 1, thời kỳ này "tỷ trọng" đó được coi là thấp hơn các vùng khác và vùng có "tỷ trọng" thấp được coi là vùng phát triển, trở thành điểm đô thị, song đến giai đoạn khác tỷ lệ đó được coi là cao so với các vùng khác và những vùng có tỷ trọng đó sẽ là vùng đô thị phát triển đứng thứ 2 sau "kinh kỳ" lại không phát triển bằng nhiều vùng nông thôn hiện nay. Cũng tương tự như vậy, tỷ trọng hoạt động khu vực 1 ở các vùng nông thôn các nước phát triển có thể còn thấp hơn tỷ trọng hoạt động khu vực 1 của nhiều vùng đô thị các nước đang phát triển và chậm phát triển, song so với vùng đô thị của chính nước đó thì tỷ trọng đó vẫn là cao và vùng đó vẫn là vùng nông thôn.

Như vậy, muốn phát triển nông thôn cần phải thay đổi cơ cấu các hoạt động kinh tế xã hội vùng nông thôn, tức là tăng các hoạt động thuộc khu vực 2 và

khu vực 3, giảm các hoạt động thuộc khu vực 1. Việc thay đổi kết cấu hoạt động này không thể thực hiện một cách áp đặt mà phải tuân theo quy luật và bảo đảm điều kiện hình thành và phát triển các hoạt động của mỗi khu vực. Các hoạt động của khu vực 1 không thể tự cắt giảm đi mà phải thông qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tăng năng suất lao động để giải phóng lao động sống một cách tuyệt đối ra khỏi nông nghiệp. Các hoạt động của khu vực 2 tăng lên trên cơ sở của phát triển công nghiệp ở nông thôn, nhất là trong giai đoạn công nghiệp hóa khi sức lao động được giải phóng một cách tuyệt đối ra khỏi nông nghiệp, cần phải được thu hút vào các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp ngay trên địa bàn nông thôn để tránh các luồng di dân nông thôn ra đô thị đang là áp lực đối với nhiều vùng đô thị và là tác nhân trực tiếp của tình trạng đô thị hóa tự phát. Các hoạt động thuộc khu vực 3 được tăng thêm thông qua sự phát triển của các hoạt động thương mại dịch vụ, văn hóa xã hội... Các hoạt động này chỉ có thể hình thành và phát triển vững chắc khi nó đáp ứng đúng yêu cầu và phù hợp với trình độ phát triển hoạt động kinh tế thuộc khu vực 1 và khu vực 2, trên cơ sở hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển là điều kiện hết sức quan trọng và mang tính quyết định đối với sự phát triển các hoạt động thuộc khu vực 3. Đến lượt mình, các hoạt động của khu vực 3 phát triển sẽ tác động ngược trở lại để thúc đẩy các hoạt động của khu vực 1 và khu vực 2 phát triển. Chính vì vậy, việc

phát triển các yếu tố thuộc hệ thống cơ sở hạ tầng đi trước thường được coi là khâu đột phá đối với quá trình phát triển nông thôn.

Hoạt động nông nghiệp đã có từ hàng ngàn năm kể từ khi con người bỏ nghề săn bắn, hái lượm tự nhiên để kiếm sống. Lịch sử phát triển sản xuất nông nghiệp là lâu đời, nó chứa đựng yếu tố truyền thống, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các điều kiện tự nhiên như: đất đai, môi trường sinh thái và đặc điểm sinh học của cây trồng, vật nuôi. Trong khi các điều kiện này lại rất khác nhau giữa các vùng, làm cho phương thức canh tác có điểm giống nhau, đồng thời cũng có điểm khác nhau giữa các vùng lãnh thổ. Đặc điểm đó làm cho kinh tế nông thôn mang tính bảo tồn cao, chậm thay đổi các phương thức sản xuất truyền thống, mặc dù các phương thức đó đã tự thể hiện tính lỗi thời.

Từ thế kỷ 16 trên thế giới đã hình thành một trường phái lấy nông nghiệp làm nền tảng để phát triển kinh tế. Đó là trường phái trọng nông (1646-1714) do Pierr. Boisgui Cleberl khởi xướng và được Francsois Quesnay và Robert Jacques Turgor phát triển thêm ở Pháp (1727-1771). Khi nghiên cứu về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong lĩnh vực nông nghiệp C.Mác - Ph. Ăngghen đã đưa ra nhận định về sự phát triển trong nội bộ ngành nông nghiệp có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tích tụ tư bản, đồng thời hình thành thị trường trong nước cho chính các nhà tư bản công nghiệp và cung cấp lao động cho họ. C.Mác viết: "Việc tước

đoạt và đuổi một bộ phận dân cư nông thôn ra khỏi ruộng đất của họ không những giải phóng công nhân, giải phóng tư liệu sinh hoạt và tư liệu lao động của họ cho nhà tư bản công nghiệp, mà còn tạo ra thị trường trong nước nữa". Sự tác động của tư bản công nghiệp vào nông thôn đã biến nông dân thành người làm thuê, biến tư liệu sinh hoạt và tư liệu lao động của họ thành đối tượng để phát triển công nghiệp và đồng thời quay lại phục vụ họ. Trên giác độ đó, chính nông dân là nền tảng cho nhà tư bản tiếp tục tích lũy và mở rộng sản xuất. Ở đây nhà tư bản vừa biến nông dân thành công nhân làm thuê, vừa biến tư liệu sinh hoạt và tư liệu lao động của họ thành "yếu tố vật thể" của tư bản.

Tựu chung, từ những quan điểm của trường phái trọng nông đến những nhận định của các nhà kinh tế học mác xít đều nêu cao vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế, bởi vậy muốn làm giàu thì phải phát triển nông nghiệp. Thực tế quá trình phát triển xã hội đã chứng minh; ở giai đoạn đầu nông nghiệp vừa là ngành tạo ra vật phẩm tiêu dùng thiết yếu cho con người vừa có vai trò làm cơ sở cho quá trình công nghiệp hóa (cung cấp nguồn vốn lớn, tạo tích lũy; cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp; cung cấp lao động; là thị trường quan trọng để tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ). Tuy nhiên, các quan điểm này không đúng với tất cả các nền kinh tế trên thế giới, nhưng nó có giá trị đối với các nước chậm phát triển và đang phát triển có điểm xuất phát là nền kinh tế nghèo nàn, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

Thực tiễn phát triển kinh tế từ lạc hậu đến văn minh, tiến bộ ở hầu hết quốc gia trên thế giới cho thấy: phạm trù kinh tế nông thôn với nội dung kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đồng thời vai trò của nó luôn thay đổi phù hợp với từng giai đoạn lịch sử phát triển của xã hội.

## **2. Vai trò của kinh tế nông thôn đối với nền kinh tế KTQD**

- Phát triển kinh tế nông thôn góp phần tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phát triển kinh tế nông thôn Việt Nam là: (1) phải tiếp tục chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường; (2) chuyển từ sản xuất tự cung tự cấp đóng kín sang sản xuất hàng hoá phục vụ thị trường mở toàn cầu hoá; (3) chuyển từ sản xuất tăng trưởng theo chiều rộng lấy khai thác tự nhiên và tăng đầu tư tài nguyên làm động lực sang phát triển theo chiều sâu quan tâm đến chất lượng hiệu quả; và; (4) lấy phát triển kinh tế bền vững làm mục tiêu để phát triển kinh tế, từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp hoá. Dù cho nền kinh tế phát triển đến đâu và tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm xuống do năng suất lao động trong nông nghiệp tăng lên thế nào thì nông nghiệp bao giờ cũng vẫn đóng một vai trò quan trọng vì nó thỏa mãn nhu cầu hàng đầu của con người là ăn, mặc, tạo sự ổn định về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Với việc phát triển đồng bộ các ngành nghề ở nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn sẽ tạo

ra một khối lượng sản phẩm với giá trị ngày càng tăng và điều đó góp phần giải quyết vấn đề vốn để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền KTQD.

Trong thời đại ngày nay, cùng với sự ra đời của thị trường hiện đại, nông thôn không những cung cấp lương thực, thực phẩm - những sản phẩm tối cần thiết cho đời sống của con người, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, mà còn là thị trường tiêu thụ rộng lớn sản phẩm của công nghiệp và các ngành khác. Đồng thời nó liên quan trực tiếp đến vấn đề môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên đất đai, rừng, nguồn nước, biển .v.v.

- Phát triển kinh tế nông thôn góp phần thực hiện đô thị hóa nông thôn, phân công lại lao động trong nông thôn, giảm sức ép về việc làm, giảm sự chênh lệch về kinh tế và đời sống giữa nông thôn và thành thị.

Cùng với sự phát triển của đất nước, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, kinh tế nông thôn không ngừng phát triển. Mặt khác, do sự phát triển nhanh của khu vực đô thị sẽ tác động lớn đến khu vực nông thôn, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển nhanh, từ đó, thực hiện đô thị hóa nông thôn biến nông thôn từ chỗ thuần nông, lạc hậu, tự cung tự cấp trở thành nơi cung cấp hàng hóa và sức lao động cho thành thị. Thành thị phát triển tạo ra nhu cầu thực sự đối với khu vực nông thôn. Kinh tế nông thôn phát triển làm thay đổi bộ mặt của nông thôn; hình thành các thị tứ, thị trấn, "phố làng" từ phát triển các làng nghề truyền thống; từ ngoại vi những nhà máy lớn được hình thành với các ngành dịch vụ mới, gắn với thương mại. Phát



triển kinh tế nông thôn góp phần đô thị hóa sẽ thu hút các nhà đầu tư bỏ vốn, tăng thu ngân sách cho nhà nước; Xây dựng các tổ chức tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho nông dân, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo.

- Phát triển kinh tế nông thôn sẽ tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển văn hóa ở nông thôn theo hướng hiện đại.

Để phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, trước hết phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông thôn, thể hiện từng bước cơ khí hóa, tự động hóa, tin học hóa, hóa học hóa trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Xây dựng và phát triển hệ thống giao thông là yếu tố quan trọng của cơ sở vật chất kỹ thuật, là nhân tố thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển. Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, vận tải hàng hóa bằng hệ thống giao thông nội địa và quốc tế đã đánh dấu bước nhảy vọt về trình độ kinh tế - xã hội. Hơn nữa việc xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại sẽ tạo điều kiện mở rộng giao lưu giữa nông thôn với thành thị, giữa các vùng với nhau, kích thích hàng hóa phát triển đồng đều; mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Nông thôn vốn là vùng kinh tế, văn hóa lạc hậu, sản xuất và sinh hoạt phân tán, nhiều hủ tục, ít theo luật pháp thống nhất. Mặt khác nông thôn là nơi có truyền thống cộng đồng (cả tốt lẫn xấu) còn sâu đậm. Phát triển kinh tế nông thôn sẽ tạo điều kiện vừa giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa xã hội tốt đẹp, vừa bài trừ văn hóa lạc hậu. Tổ chức tốt đời sống văn hóa và tinh thần cho cư dân nông thôn, nhằm nâng cao trình độ dân trí và trình độ chuyên môn cho họ.

- Phát triển KTNT nhằm củng cố khối liên minh công - nông - trí thức, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền ở nông thôn.

Nông dân là lực lượng cách mạng đông đảo cùng với giai cấp công nhân tạo nên những thành quả cách mạng to lớn. Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: Phải lấy liên minh công - nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng cho cách mạng để xây dựng vững chắc xã hội mới. Liên minh công nông phải thực hiện trên cơ sở kinh tế thì mới vững chắc.

Xét về mặt xã hội khi thiết lập mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn là thực hiện liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân với tầng lớp trí thức trên cơ sở kinh tế, hay còn gọi là sự phối hợp giữa 3 nhà: nhà nông - nhà doanh nghiệp - nhà trí thức. Bởi giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức là lực lượng vừa phát minh, sáng chế vừa chuyển giao công nghệ cho giai cấp nông dân để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn và làm cho nông thôn ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trên cơ sở đó nông nghiệp, nông thôn lại thực hiện vai trò tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện đô thị hóa nông thôn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Vì vậy, liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức ngày càng được củng cố, vững chắc trong quá trình kiến thiết đất nước ngày càng văn minh, giàu đẹp hơn. Không chỉ củng cố khối liên minh công - nông - trí thức trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông

ng nghiệp, nông thôn để về cơ bản đưa nước ta trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, mà để phát triển kinh tế nông thôn nhanh hơn, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền ở nông thôn. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Chính phủ luôn coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, với hàng loạt chủ trương, chính sách như: Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa V), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI), Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị (khóa VII) và mới đây là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX).

Những chủ trương đó đã phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của giai cấp nông dân, công nhân và tầng lớp trí thức, giải phóng lực lượng sản xuất, đổi mới quan hệ sản xuất, khơi dậy các nguồn lực to lớn của nông nghiệp, nông thôn. Hơn nữa các phong trào đoàn kết giúp đỡ nhau xóa đói giảm nghèo dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước đã đưa nông nghiệp, nông thôn nước ta từng bước phát triển vững chắc bước vào giai đoạn lịch sử mới thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp nông thôn ở vùng châu thổ sông Hồng*, NXB Chính trị quốc gia 2001.
2. *Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn*, NXB thống kê 2001.
3. Lê Việt Đức, Quan hệ vĩ mô giữa phát triển kinh tế và phát triển nông nghiệp, *Nghiên cứu kinh tế*, Số 289, Tháng 6/2004.
4. Ngô Văn Quang, Một số đề xuất thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nông thôn ở Việt Nam, *Nghiên cứu kinh tế*, số 308, Tháng 1/2004.
5. Phí Văn Kỳ, Nguyễn Đình Long, Một số nội dung cơ bản phát triển thị trường nông thôn ngoại thành Hà Nội, *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, Số 11/2003
6. Hoàng Việt, Máy ý kiến về nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn, *Nghiên cứu kinh tế*, số 287, Tháng 4/2002.
7. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia 2001
8. *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, số 52 - 10/2001, tr. 52.

## RURAL ECONOMIC ROLE IN NATIONAL ECONOMY

**Dr. Nguyen Thi Bich Dao**

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi*

In reality, process of economic development from backward status to civilization, advance in most countries shows that rural economic category with main economic context is agricultural production playing extremely an important role in development of whole national economy, simultaneously its role continues to change to be suitable for each historical period of social development.

- Rural economic development contributes to making premise for process of industrialization and modernization.

- Rural economic development contributes to rural urbanization, division of labor in rural area, reduces job pressure, and diminishes the gap of living standard between rural and urban areas.

- Rural economic development will create material facilities for cultural development tending to modernization in rural area.

- Rural economic development aims at reinforcing united bloc of workers, farmers, and intellectuals, strengthening leadings of Communist Party and the Administration in rural area.